

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2024

V/v: “Ly hôn, con chung, chia tài sản  
chung giữa anh M và chị X”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Cao Tân

Ông Trần Trọng Đại

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đinh Văn M, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Xóm C, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay đang cư trú và lao động tại Hàn Quốc;

- **Bị đơn:** Chị Trịnh Thị X, sinh năm 1986; Nơi thường trú: Xóm C, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm N, xã YC, huyện YY, tỉnh Nam Định;

(Tại phiên tòa có mặt chị Trịnh Thị X, vắng mặt anh Đinh Văn M có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2023, bản tự khai nguyên đơn anh Đinh Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn M kết hôn với chị Trịnh Thị X trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 28-01-2012 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Sau khi

kết hôn anh M và chị X sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2013 anh M đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian ở cùng nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng đã trao đổi với nhau rất nhiều lần nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, không thể hòa hợp được. Đặc biệt từ khi anh M đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc vợ chồng càng ít quan tâm, nói chuyện với nhau. Hiện nay anh M vẫn sinh sống, làm việc tại Hàn Quốc còn chị X về nhà bố mẹ đẻ tại xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định sinh sống và làm việc. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh M đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trịnh Thị X theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh M có một con chung cháu Đinh Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 02-11-2012, hiện nay con chung đang ở cùng chị X tại nhà bố mẹ đẻ chị tại xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn anh M và chị X đã thống nhất giao con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Ánh trưởng thành, anh M sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh M có một thửa đất số 13, tờ bản đồ số 17, diện tích 180m<sup>2</sup> tại thôn Thụy Nội, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã được sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 822661 ngày 19-4-2018 mang tên chị X và anh M. Khi ly hôn anh M và chị X thống nhất chia mỗi người  $\frac{1}{2}$  (chiều rộng của thửa đất là  $7,9 : 2 = 3,95m$ ), đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về công nợ chung anh M trình bày vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Do hiện nay anh Đinh Văn M đang cư trú và lao động tại Hàn Quốc, do không bố trí thời gian đến Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nên anh M đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ theo quy định của pháp luật, anh vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn khởi kiện xin ly hôn và xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

\* Tại bản tự khai ngày 19 tháng 01 năm 2024 bị đơn chị Trịnh Thị X trình bày: Chị X và anh Đinh Văn M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 01 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Ý Yên. Sau khi kết hôn chị và anh M chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2013 anh M đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Về quá trình chung sống, thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như anh M trình bày. Hiện nay anh M vẫn sinh sống, làm việc tại Hàn Quốc còn chị X về nhà bố mẹ đẻ tại xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định sinh sống và làm việc. Nay anh M làm

đơn xin ly hôn, chị X cũng nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị X có một con chung cháu Đinh Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 02-11-2012, hiện nay con chung đang ở cùng chị X tại nhà bố mẹ đẻ chị tại xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn anh M và chị X đã thống nhất giao con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Ánh trưởng thành, anh M sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 2.000.000đ/1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị X có một thửa đất số 13, tờ bản đồ số 17, diện tích 180m<sup>2</sup> tại thôn Thụy Nội, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã được sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 822661 ngày 19-4-2018 mang tên chị X và anh M. Khi ly hôn anh M và chị X thống nhất chia mỗi người ½ (chiều rộng của thửa đất là 7,9 : 2 = 3,95m), đề nghị Toà án ghi nhận.

Về công nợ chung chị X trình bày vợ chồng không có nên không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, chị Trịnh Thị X yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung ở mức 3.000.000đ/tháng và lấy 1 lần. Anh Đinh Văn M vắng mặt có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 175, Điều 177, Điều 220 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS như cung cấp chứng cứ. Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử lý hôn giữa anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X. Con chung đề nghị giao cháu Đinh Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 02-11-2012 cho chị Trịnh Thị X nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X 2.000.000đ/1 tháng, anh M được quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con. Tài sản chung, ghi nhận tự nguyện thỏa thuận của vợ chồng anh M và chị X về việc phân chia tài sản chung, mỗi người được quản lý, sử dụng diện tích 90m<sup>2</sup> có kích thước chiều rộng của thửa đất là 3,95m, chiều dài 22,78m tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 17, ở thôn Thụy Nội, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Về công nợ của anh M, chị X không đề nghị Toà

án giải quyết nên không cần đề cập, giải quyết. Án phí anh M và chị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đinh Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 01 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống giữa anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh M để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Vợ chồng anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X có một con chung cháu Đinh Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 02-11-2012. Hiện nay con chung đang do chị X nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị X có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị X yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/1 tháng đến khi con chung trưởng thành, anh Đinh Văn M cũng đồng ý với yêu cầu của chị X về nuôi con chung và mức cấp dưỡng chị X yêu cầu.

[5] Xét nguyện vọng của chị Trịnh Thị X trong việc nuôi con chung thì thấy: Cháu Đinh Thị Ngọc Ánh đang do chị X và gia đình chị nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi anh M đi cư trú và làm việc tại Hàn Quốc cho đến nay, cháu vẫn đang được ăn ở, cư trú ổn định, có môi trường sống tốt nhất để cho cháu được phát triển lành mạnh cả về thể chất và tinh thần, anh M đang cư trú và lao động tại Hàn Quốc ở xa nhà không có điều kiện để chăm sóc con chung. Khi ly hôn anh M cũng đồng ý giao con chung cho chị X nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Ánh trưởng thành, anh M cũng tự nguyện nhận sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung ở mức là 2.000.000đ/1 tháng đến khi con chung trưởng thành. Xét thấy, con chung của vợ chồng anh M, chị X hiện nay con nhỏ rất cần sự chăm sóc của người thân. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Đinh Thị Ngọc Ánh cho chị X tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X đã tự thống nhất, sau khi ly hôn anh M sẽ có trách

nhệm cấp dưỡng nuôi con chung ở mức là 2.000.000đ/1 tháng đến khi con chung trưởng thành cho chị X, tại phiên toà hôm nay chị X yêu cầu anh M phải cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng và lấy 1 lần. Xét thấy, sự thoả thuận về mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con của chị X và anh M trước khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên được công nhận. Do đó, cần buộc anh M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X mỗi tháng ở mức là 2.000.000đ, kể từ tháng 5 năm 2024 đến khi con chung đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Tại phiên toà chị X yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng và lấy 1 lần là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X đều xác nhận vợ chồng có diện tích đất ở 180m<sup>2</sup> tại thửa số 13, tờ bản đồ số 17 thôn Thuy Nội, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã được sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 822661 ngày 19-4-2018 mang tên chị X và anh M. Trước khi anh M nộp đơn xin ly hôn anh M và chị X đã tự thương lượng, thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau: Khi ly hôn anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X mỗi người được quản lý, sử dụng diện tích 90m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn có kích thước chiều rộng của thửa đất là 3,95m, chiều dài là 22,78m tại thửa số 13, tờ bản đồ số 17 thôn Thuy Nội, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Anh M và chị X đều đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận phân chia tài sản chung của anh chị. Xét thấy, sự tự định đoạt, thỏa thuận phân chia tài sản chung của anh M và chị X là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên sẽ được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về công nợ: Anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X đều trình bày hiện nay vợ chồng không có công nợ chung nên về phần công nợ của vợ chồng anh M, chị X Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Đinh Văn M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Án phí chia tài sản chung do anh M và chị X đã tự thương lượng thỏa thuận phân chia tài sản chung với nhau trước khi anh M nộp đơn xin ly hôn nên anh M và chị X không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 71 ; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đinh Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 02-11-2012 cho chị Trịnh Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Đinh Văn M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/một tháng kể từ tháng 5 năm 2024 đến khi con chung đến tuổi trưởng thành và tự lập được. Anh M có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về chia tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X trước khi anh M nộp đơn xin ly hôn về việc vợ chồng đã tự phân chia tài sản chung với nhau như sau:

- Chị Trịnh Thị X được quản lý, sử dụng diện tích đất ở nông thôn 90m<sup>2</sup> tại thửa số 13, tờ bản đồ số 17 thôn Thụy Nội, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã được sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 822661 ngày 19-4-2018 mang tên chị X và anh M có tứ cận như sau; Cạnh phía Đông giáp đường quốc lộ 37B dài 3,95m, cạnh phía Nam giáp thửa đất số 14 dài 22,78m, cạnh phía Tây giáp đất ruộng hai lúa dài 3,95m, cạnh phía Bắc giáp phần đất chia cho anh Đinh Văn M dài 22,78m.

- Anh Đinh Văn M được quản lý, sử dụng diện tích đất ở nông thôn 90m<sup>2</sup> tại thửa số 13, tờ bản đồ số 17 thôn Thụy Nội, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã được sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 822661 ngày 19-4-2018 mang tên chị X và anh M có tứ cận như sau; Cạnh phía Đông giáp đường quốc lộ 37B dài 3,95m, cạnh phía Nam giáp phần đất chia cho chị Trịnh Thị X dài 22,78m, cạnh phía Tây giáp đất ruộng hai lúa dài 3,95m, cạnh phía Bắc giáp thửa đất số 12 dài 22,78m.

(Có sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất kèm theo Bản án)

- Anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đinh Văn M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng anh Đinh Văn M phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tại biên lai số 0005697 ngày 15-01-2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, anh Đinh Văn M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Hoàn trả lại cho anh Đinh Văn M số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005697 ngày 15-01-2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

Án phí chia tài sản chung: Anh Đinh Văn M và chị Trịnh Thị X không phải nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, anh Đinh Văn M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Yên Thắng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Văn Tùng**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Cao Tản**

**Trần Trọng Đại**

**Lại Văn Tùng**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Yên Thắng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Văn Tùng**